

Bản án số: 74/2017/HS-ST

Ngày: 27-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Thẩm phán: Ông **Lê Trọng Hân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Danh Đức**

Ông **Đoàn Văn Tâm**

Bà **Trần Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Lữ Thị Minh Cảnh** và bà **Bùi Thị Kim Anh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Phùng Văn T, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: ấp S, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Phùng Văn Th và bà Phùng Thị Ng; vợ: Nguyễn Thị L và 03 con; tiền án, tiền sự: Không, bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2016. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư **Thái Đức Gia** – Văn phòng luật sư Thụy Quyên – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa chỉ định cho bị cáo. (Có mặt)

- Nguyên đơn dân sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Th, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang

5. Ông **Phạm Văn Ch**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, thị trấn N, huyện Th, tỉnh An Giang

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thị Ch và Nguyễn Thị Kim H:*

Luật sư **Bùi Thị Thủy** – Văn phòng luật sư Bùi Điệp và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2016, Phùng Văn T thông qua Trần Văn M biết Trần Văn H ngụ tại ấp A, xã L, huyện Tr, tỉnh An Giang (bị can trong vụ án khác). T thuê H làm giả 02 bộ hồ sơ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 02 (giấy hồng) và các giấy tờ khác, mục đích để thế chấp vay tiền Ngân hàng. H nhận làm một bộ hồ sơ là 40.000.000 đồng. T cung cấp cho H gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 sơ đồ đất vị trí, tất cả là bản photocopy mang tên Phùng Văn T, ngụ ấp Tr, xã Ph, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau đó H nhờ người tên Th ở tỉnh Bình Dương làm giả các giấy tờ theo yêu cầu của T, khi làm xong hồ sơ theo yêu cầu T trả cho H số tiền 80.000.000 đồng, H giao cho T gồm:

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Phùng Văn T, sinh năm 1966, số chứng minh nhân dân 350655245, địa chỉ ấp S, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang. Địa chỉ đất tại ấp Tr, xã Ph, huyện G, tỉnh Kiên Giang, diện tích mỗi giấy là 30.000m² (01 giấy số BS 298015, số thửa 149, tờ bản đồ số 1, cấp ngày 09/3/2015 và 01 giấy số BS 298016, số thửa 148, tờ bản đồ số 1, cấp ngày 11/3/2015);

- Một hợp đồng công chứng của Văn phòng công chứng M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang;

- Một giấy đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất huyện G, tỉnh Kiên Giang;

- Một giấy chứng minh nhân dân số 350655245 tên Phùng Văn T (giấy chứng minh nhân dân thật của T có số là 350665245).

Sau khi nhận hồ sơ ngày 01/3/2016, Phùng Văn T sử dụng các giấy tờ giả trên mang đến Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang (Sacombank), Phòng giao dịch Giồng Riềng thế chấp vay tiền. Khi xét duyệt hồ sơ nhân viên Ngân hàng chỉ đi xem đất, giao cho T tự đi công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, đến ngày 09/3/2016, Ngân hàng giải ngân cho T vay số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), T sử dụng vào mục đích chi xài cá nhân.

Sau đó nhân viên Ngân hàng kiểm tra lại hồ sơ của T thì phát hiện số chứng minh nhân dân trong lời chứng của công chứng viên không khớp với số chứng minh nhân dân trong hồ sơ nên đến Văn phòng công chứng Minh Lương đối chiếu thì phát hiện lời chứng của công chứng viên là giả, Ngân hàng làm đơn tố giác hành vi lừa đảo của T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang.

Phùng Văn T khi thế chấp bằng quyền sử dụng đất giả tại Ngân hàng được, tiếp tục thuê H làm thêm 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, với giá mỗi bộ hồ sơ là 35.000.000 đồng và cung cấp các giấy tờ có liên quan cho H (thông qua M). Do thời gian làm giấy kéo dài, nên Phùng Văn T gặp Đoàn Hữu Ng yêu cầu Ng đứng tên giùm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Ng đồng ý. Sau đó T, Ng hẹn gặp M và H để thương lượng việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, theo đó yêu cầu H làm 04 giấy mang tên Phùng Văn T, 02 giấy mang tên Đoàn Hữu Ng, Ng cung cấp giấy chứng minh nhân dân (photo) đến khoản hai tuần sau M giao 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T.

Như vậy, Phùng Văn T thuê H làm 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (Trong đó: 06 giấy mang tên Phùng Văn T, 02 giấy mang tên Đoàn Hữu Ng) T mang thế chấp ở các tiệm vật tư nông nghiệp để lấy phân bón thuốc trừ sâu (01 giấy BL 824642 cửa hàng Th; 02 giấy BL 824639, BL 824641 cửa hàng Kh; 01 giấy BL 842634 cửa hàng T)

Cũng trong thời gian này, Đoàn Hữu Ng trực tiếp thông qua M thuê H làm thêm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, với giá mỗi bộ hồ sơ là 35.000.000 đồng. Như vậy, Đoàn Hữu Ng đứng tên 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, do Đoàn Hữu Ng có nợ xấu ở Ngân hàng nên Ng và T bàn bạc mang thế chấp ở các cửa hàng vật tư nông nghiệp để lấy phân bón và thuốc trừ sâu về sử dụng và bán lại lấy tiền chi xài cá nhân (01 giấy số CB 145245 ở tiệm Th, 02 giấy số CB 1453308 và 01 giấy số CB 145039 ở tiệm M, 02 giấy giao Nguyễn Thị Kim Kh giữ đều mang tên Đoàn Hữu Ng).

Ngoài ra, vào năm 2015, Phùng Văn T thuê làm 05 bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả, nội dung hợp đồng bán cho bà Nguyễn Thị H 120ha (1.200 công) đất nông nghiệp, tọa lạc tại ấp Tr, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tổng giá trị đất là 16.800.000.000 đồng (Mười sáu tỷ tám trăm triệu), ngày 01/10/2016, H đưa cho T 01 tỷ đồng tiền đặt cọc. Đến hẹn không thấy T làm thủ tục chuyển nhượng mà tìm lý do để kéo dài thời gian và cuối cùng T tuyên bố không có khả năng trả tiền và giao đất. Kết quả xác minh và đối chiếu sổ sách tại Văn phòng công chứng M xác định 05 bản hợp đồng ông T đưa cho bà H là giả.

* Tại Bản kết luận giám định số 495/KL-KTHS ngày 02/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

1. 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số hiệu: BS 298015, số hiệu: BS 298016, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với phôi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số hiệu: BY 255482, trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là giả.

2. Chữ ký mang tên Hồ Văn H, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với chữ ký mang tên Hồ Văn H, trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M5) là không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN GIANG THÀNH, VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI T. KIÊN GIANG”, trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN GIANG THÀNH, VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI T. KIÊN GIANG” (ký hiệu M1) là giả.

* Tại Bản kết luận giám định số 557/KL-KTHS ngày 31/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số hiệu CB 145308, đề ngày 24/4/2016 và CB 145309 cấp ngày 28/4/2016, ghi tên người sử dụng đất: Đoàn Hữu Ng - sinh năm 1968, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh An Giang (ký hiệu A1 và A2) là giả.

- “Giấy chứng minh nhân dân”, số hiệu: 350655245, ghi tên: PHÙNG VĂN T, sinh năm: 1966, Nơi ĐKKHKT: S, V, Th, An Giang, đề ngày 18/6/2014 (ký hiệu A6) là giả.

* Tại Bản kết luận giám định số 609/KL-KTHS ngày 28/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- 05 (năm) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số hiệu CB 145245, ghi tên người sử dụng đất: Đoàn Hữu Ng, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh An Giang; số BL 824634, BL 824639, BL 824641, BL 824642 cùng đứng tên Phùng Văn T, địa chỉ: ấp S, xã

V, huyện Th, tỉnh An Giang (ký hiệu A1 và A5) là tài liệu giả, được in bằng phương pháp in màu điện tử.

* Tại Bản kết luận giám định số 87/KL-KTHS ngày 21/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số hiệu CB 145269 và CB 145354, cùng đứng tên Đoàn Hữu Ng, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh An Giang (ký hiệu A1 và A2) là tài liệu giả, được in bằng phương pháp in màu điện tử.

Tại bản cáo trạng số: 19/KSĐT-KT ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 139 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo Phùng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b khoản 2 Điều 267, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 50, Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Văn T từ 05 đến 06 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 02 đến 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 07 – 09 năm tù.

*Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Phùng Văn T hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang (Sacombank), Phòng giao dịch Giồng Riềng với số tiền còn lại là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS đề nghị HĐXX tuyên: tịch thu tiêu hủy 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Phùng Văn T (số hiệu BS 298015, BS 298016, BL 824642, BL 824639, BL 824641, BL 842634) và 01 “Giấy chứng minh nhân dân”, số hiệu: 350655245, ghi tên: PHÙNG VĂN T, sinh năm: 1966, Nơi ĐKKHKT: S, V, Th, An Giang, đề ngày 18/6/2014.

**Quan điểm của luật sư Thái Đức Gia bào chữa cho bị cáo:*

Về cơ bản luật sư đồng ý cáo trạng truy tố bị cáo Phùng Văn T của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức đề nghị áp dụng bị cáo T chỉ phạm tội một lần vì chỉ có một bị hại là ngân hàng Sacombankh Giồng Riềng và đề nghị áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án thấp hơn kiểm sát viên đề nghị.

**Quan điểm của luật sư Bùi Thị Thủy bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Ch và Nguyễn Thị Kim H:*

Bị cáo Phùng Văn T có gian dối với hai cửa hàng Minh Ch và Th nhưng Viện kiểm sát không truy tố tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo có dấu hiệu gian dối ngay từ đầu, bị cáo đã đưa ra những thông tin sai sự thật đối với hai cửa hàng. Rõ ràng bị cáo có dấu hiệu phạm tội. Về trách nhiệm bồi thường tại tòa hôm nay bị cáo thỏa thuận bồi thường cho hai cửa hàng nên đề nghị ghi nhận.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phùng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Nguyên đơn dân sự đại diện là ông Trần Văn D yêu cầu bị cáo Phùng Văn T bồi thường cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 283.800.157 đồng. Bao gồm tiền gốc tính đến ngày 01/03/2017 là 237.194.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.354.302 đồng, lãi quá hạn 10.476.068 đồng, lãi phạt 1.775.787 đồng và xử lý hình sự bị cáo Phùng Văn T theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

Chị H cho rằng bị cáo có hành vi lừa đảo, 5 hợp đồng bị cáo đưa cho chị là giả.

Chị H đồng ý quan điểm của luật sư và đề nghị giao hai giấy đất thật tên Ng và L cho chị.

Chị Ch đồng ý với ý kiến luật sư, đề nghị giao hai giấy đất thật tên H và A cho chị.

Những người liên quan khác không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Từ ngày 01/3/2016 đến ngày 27/7/2016, bị cáo Phùng Văn T thuê Trần Văn H làm giả 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó Phùng Văn T nhờ Đoàn Hữu Ng đứng tên dùm hai giấy. Đoàn Hữu Ng trực tiếp nhờ H làm 03 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Như vậy, bị cáo Phùng Văn T và Đoàn Hữu Ng đã nhờ Trần Văn H làm giả tổng cộng 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bị cáo Phùng Văn T còn nhờ H làm giả một giấy chứng minh nhân dân số 350655245. Bị cáo T sử dụng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và chứng minh nhân dân giả vay ngân hàng Sacombank 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), sau đó bị ngân hàng phát hiện trình báo Công an. Qua giám định kết luận 11 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T và Ng nhờ H làm là giả, giấy chứng minh nhân dân T nhờ H làm là giả. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu mà còn xâm phạm đến tài sản của tổ chức một cách trái pháp luật. Bằng thủ đoạn làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân và các thủ tục vay vốn ngân hàng nhằm chiếm đoạt số tiền vay được sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng chi trả. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó, cần phải tuyên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đã khắc phục cho ngân hàng được 480.000.000 đồng nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự khi lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về quan điểm đề nghị của kiểm sát viên:

Mức án mà vị đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T là có phần nhẹ so với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Về trách nhiệm bồi thường cho ngân hàng, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường cho ngân hàng số tiền gốc mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, về phía ngân hàng yêu cầu bị cáo bồi thường tiền gốc và lãi, lãi phạt quá hạn như những khách hàng khác. Yêu cầu của phía ngân hàng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát về phần hình phạt cũng như trách nhiệm bồi thường.

[6] Về quan điểm của các luật sư:

Luật sư Thái Đức Gia cho rằng đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức bị cáo chỉ phạm tội một lần là không có cơ sở bởi vì bị cáo Phùng Văn T làm giả hai lần là 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một

chứng minh nhân dân. Hành vi của bị cáo T là phạm tội nhiều lần. Về khung hình phạt đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức mà bị cáo T vi phạm so sánh giữa bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 thì như nhau cho nên vẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo.

Luật sư Bùi Thị Thủy cho rằng bị cáo T có hành vi gian dối đối với hai tiệm phân M và Th, hành vi của bị cáo đối với hai tiệm phân là đủ cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, về vấn đề này Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã trả hồ sơ cho viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang để điều tra bổ sung nhưng kết quả điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Kiên Giang và của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang thì đây chỉ là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của luật sư.

[7] Về trách nhiệm bồi thường:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín – chi nhánh tỉnh Kiên Giang yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổng cộng là 283.800.157 đồng. Bao gồm tiền gốc tính đến ngày 01/03/2017 là 237.194.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.354.302 đồng, lãi quá hạn 10.476.068 đồng, lãi phạt 1.775.787 đồng, yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Phùng Văn T (số hiệu BS 298015, BS 298016, BL 824642, BL 824639, BL 824641, BL 842634) và 01 “Giấy chứng minh nhân dân”, số hiệu: 350655245, ghi tên: PHÙNG VĂN T, sinh năm: 1966, Nơi ĐKKHKT: S, V, Th, An Giang, đề ngày 18/6/2014 là giả không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phùng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

* Đối với Đoàn Hữu Ng phạm tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, ngày 30/8/2017 bị Cơ quan điều tra công an tỉnh Kiên Giang khởi tố và Lệnh bắt để tạm giam, Ng đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được Đoàn Hữu Ng sẽ xử lý sau.

*Đối với Trần Văn H là người nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Phùng Văn T và Đoàn Hữu Ng đã bị khởi tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” ở 01 vụ án khác.

*Riêng đối với hành vi Phùng Văn T làm 5 hợp đồng giả để bán đất cho Nguyễn Thị H và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp tại các cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp M, Th, cửa hàng Kh và cửa hàng Th nhằm lấy phân, thuốc trừ sâu thì đây chỉ là giao dịch dân sự. Tuy nhiên, tại

phiên tòa hôm nay bị cáo Phùng Văn T thỏa thuận bồi thường cho bà Nguyễn Thị H 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tiền bà H đã đặt cọc cho bị cáo, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ch – cửa hàng vật tư nông nghiệp M 1.918.312.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim H – cửa hàng vật tư nông nghiệp Th 1.365.062.000đồng, bồi thường cho bà Hoàng Thị Th – cửa hàng vật tư nông nghiệp Kh 360.000.000 đồng, bồi thường cho ông Phạm Văn Ch – cửa hàng vật tư nông nghiệp Th 198.500.000 đồng. Đây là sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và những người liên quan, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Còn chị Ch và chị H yêu cầu được giao lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật mà bị cáo đã cầm cố, nhưng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho bị cáo và đất đang bị tranh chấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phùng Văn T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267, Điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 50 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Văn T 07 (bảy) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” **03 (ba) năm tù** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan và tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **10 (mười) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 15/9/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 608 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Thương tín số tiền tổng cộng là 283.800.157 đồng. Bao gồm tiền gốc tính đến ngày 01/03/2017 là 237.194.000 đồng, tiền lãi trong hạn 34.354.302 đồng, lãi quá hạn 10.476.068 đồng, lãi phạt 1.775.787 đồng.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Phùng Văn T và các đương sự về việc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị H 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tiền bà H đã đặt cọc cho bị cáo, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ch – cửa hàng vật tư nông nghiệp M 1.918.312.000đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim H – cửa hàng vật tư nông nghiệp Th 1.365.062.000đồng, bồi thường cho bà Hoàng Thị Th – cửa hàng vật tư nông nghiệp Kh 360.000.000 đồng, bồi thường cho ông Phạm Văn Ch – cửa hàng vật tư nông nghiệp Th 198.500.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Phùng Văn T (số hiệu BS 298015, BS 298016, BL 824642, BL 824639, BL 824641, BL 842634) và 01 “Giấy chứng minh nhân dân”, số hiệu: 350655245, ghi tên: PHÙNG VĂN T, sinh năm: 1966, Nơi ĐKKHKT: S, V, Th, An Giang, đề ngày 18/6/2014.

Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.190.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- NĐon, NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến